phạm văn tân
Digitally signed by phạm văn tân
DN: C=VN, OU=công ty môi trường đô thị tỉnh lào Cai, O=Môi trường, CN=phạm văn tân, E=moitruonglaocai@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-07-27 10:53:48
Foxit Reader Version: 9.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Số: 104/MTĐT
V/v công bố thông tin chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cho cổ đông

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 27 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Tên công ty: Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Mã chứng khoán: MLC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 30, đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: (0214) 3841 038 Fax: (0214) 3841 038

Người đại diện theo pháp luật ông: Phạm Văn Tân

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Điện thoại: 0945035555

Người được ủy quyền CBTT ông, bà: .....

Chức vụ: ..... Điện thoại: .....

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ; ☐ 72 giờ; ☑ bất thường; ☐ theo yêu cầu; ☐ định kỳ.

Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cho cổ đông.

(có văn bản đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- SGDCK Hà Nội;
- Lưu: VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 5300133049-C.T.C.P
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
TP. LÀO CAI T. LÀO CAI

CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23 /TB-MTĐT	*Lào Cai, ngày 02 tháng 7 năm 2018*

phạm văn tân
Digitally signed by phạm văn tân
DN: C=VN, OU=công ty môi trường đô thị tỉnh lào Cai, O=Môi trường, CN=phạm văn tân, E=moitruonglaocai@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-07-03 08:03:00
Foxit Reader Version: 9.1.0

THÔNG BÁO
Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2017

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai

Trụ sở chính: Tổ 30, đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: (0214) 3841 038 Fax: (0214) 3841 038

Chúng tôi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Mã chứng khoán: MLC

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng

Sàn giao dịch: UPCOM

Ngày đăng ký cuối cùng: 13/7/2018

1. Lý do và mục đích

Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt.

2. Nội dung cụ thể

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu: 7,38503%/cổ phiếu (01cổ phiếu được nhận 738,503 đồng)

Tổng số tiền cổ tức mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị.

- Ngày thanh toán: 26/7/2018.

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức công ty tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức công ty tại Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai bắt đầu từ ngày 26/7/2018 và xuất trình chứng minh nhân dân.

Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng):

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai - Tổ 30, đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: (0214) 3841 038 Fax: (0214) 3841 038

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: moitruonglaocai@gmail.com

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Thông báo này thay cho Thông báo số 22/TB-MTĐT ngày 27/6/2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 5300133041 C.T.C.P
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
TP. LÀO CAI T. LÀO CAI

CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Văn Tân

**** Tài liệu đính kèm:***

Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 23/5/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
BAN KIỂM SOÁT

Số: 07/BKS
V/v Chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 17 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần
Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 23/5/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Công văn số 1964/UBND-TH ngày 10/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc chấp nhận nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền số C390/2018-MLC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập ngày 16/7/2018,

Sau khi kiểm soát, đối chiếu: Tỷ lệ chia cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là 7,38503 %/cổ phiếu, tỷ lệ thanh toán cổ tức tại Danh sách tổng hợp do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam phát hành là 7,38503 %/cổ phiếu. Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đề nghị Hội đồng quản trị có phương án chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 23/5/2018. Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 5500133049-C.T.C.P
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
TP. LÀO CAI T. LÀO CAI

Đào Thị Minh Thủy

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc công ty;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT, BKS.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG** **ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI** Số: 02 /NQ-ĐHCĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Lào Cai, ngày 23 tháng 5 năm 2018*

phạm văn tân
Digitally signed by phạm văn tân
DN: C=VN, OU=công ty môi trường đô thị tỉnh lào Cai, O=Môi trường, CN=phạm văn tân, E=moitruonglaocai@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-05-24 16:09:35
Foxit Reader Version: 9.1.0

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai ngày 23/5/2018;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai ngày 23/5/2018,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh lào Cai đã thống nhất Quyết nghị thông qua Nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017 và mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2018

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2018

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và thù lao kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2018

1. Thù lao thực hiện của thành viên HĐQT, BKS năm 2017:

- Tổng số thành viên HĐQT, BKS hưởng thù lao: 04 người.
- Tổng quỹ thù lao thực hiện của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2017 là: 168.000.000 đồng.

2. Mức thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2018:

- Tổng số thành viên HĐQT, BKS hưởng thù lao: 04 người.
- Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát là: 4.000.000 đồng/người/tháng.
- Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát là: 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Tổng quỹ thù lao kế hoạch của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2018 là: 168.000.000 đồng.

Số tiền thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nằm theo đơn giá tiền lương của Công ty, nhưng được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty. Số tiền thù lao được chi trả hàng tháng cùng tiền lương.

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2017 (LNST):

4.400.609.144 đồng

2. Trích lập các quỹ (30% LNST): 1.320.182.743 đồng.

Trong đó:

a) Quỹ đầu tư phát triển: 330.045.686 đồng.

b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp:

990.137.057 đồng

3. Lợi nhuận của năm 2017 còn lại để chia cổ tức (70% LNST):

3.080.426.401 đồng

4. Tổng số cổ phần được hưởng cổ tức: 4.171.175 cổ phần.

5. Cổ tức được chia cho 01 cổ phần:

3.080.426.401 đ : 4.171.175 CP = 738,503 đồng/cổ phần

6. Triển khai thực hiện: Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017 được Đại hội thông qua, giao cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chi trả cổ tức và Kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị năm 2018

1. Kế hoạch SXKD, chi trả cổ tức năm 2018:

- Vốn điều lệ: 41.711.750.000 đồng.
- Doanh thu: 90.000.000.000 đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 6.500.000.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 3.200.000.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: 7,67%
- Tỷ lệ trích lập các quỹ so với lợi nhuận sau thuế: 30%.
- Trích lập các quỹ 960.000.000 đồng, trong đó:

+ Quỹ đầu tư phát triển: 240.000.000 đồng.

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 720.000.000 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức: 2.240.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ tức: 5,37%.
- Thu nhập bình quân người lao động/tháng: 6.625.000 đồng.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

a) Nguồn vốn Công ty làm chủ đầu tư (vốn Ngân sách Nhà nước + sự nghiệp bảo vệ môi trường):

Vốn đầu tư dự kiến là 3.286.750.000 đồng để mua: 03 xe ô tô chở rác <1,5 tấn, 01 xe ô tô cuốn ép rác chuyên dùng 8 m^3, 50 xe gom rác đẩy tay 400L, 343 thùng rác theo đề án phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn năm 2018.

b) Một số dự án đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp (nguồn khấu hao, đầu tư phát triển và vốn vay): Vốn đầu tư dự kiến là: 10.370.000.000 đồng.

- Đầu tư 01 băng tải vận chuyển mùn;
- Xây 01 bể xử lý phân phốt;
- Xây dựng cổng, sửa đường, nhà quản trang nghĩa trang Thống Nhất, Vạn Hòa;
- Xây dựng trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa + Khu nghỉ dưỡng công nhân;
- Mua 25 xe điện 3 bánh;
- Mua 01 xe ô tô tang lễ;
- Mua 01 ô tô con 7 chỗ phục vụ công tác;
- Mua 01 xe phun nước chống bụi 8 m^3;
- Mua 02 xe tải chở rác < 1,5 tấn.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.107.476 cổ phần, chiếm 99,76 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 10.044 cổ phần, chiếm 0,24 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Đại hội thông qua toàn văn nội dung sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai. Bản Điều lệ này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.107.476 cổ phần, chiếm 99,76 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 10.044 cổ phần, chiếm 0,24 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đại hội thông qua toàn văn nội dung dự thảo bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai. Bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.107.476 cổ phần, chiếm 99,76 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 10.044 cổ phần, chiếm 0,24 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 10. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021

1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Lê Thị Kim Oanh.
2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát đối với bà Lê Thị Thuận.

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 4.117.520 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 11. Ban kiểm soát họp bầu bà Đào Thị Minh Thủy làm Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021

1. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 3/3
2. Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: 0/3

Điều 12. Điều khoản thi hành

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 23/5/2018. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao bởi Đại hội đồng cổ đông trong Nghị quyết này nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông, của Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Phạm Văn Tân

Nơi nhận:
- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ công ty;
- Lưu: VT, HĐQT,
(Tài liệu ĐHCĐ 2018)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1964 /UBND-TH V/v chấp thuận nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty CP Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai.	*Lào Cai, ngày 10 tháng 5 năm 2018*

Kính gửi: - Các sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh Lào Cai;
- Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 255/TTr-STC ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận để Người đại diện phần vốn nhà nước quyết định về nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Sở Tài chính về nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 255/TTr-STC ngày 03/5/2018 nêu trên, cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối: **4.400.609.144 đồng,** được phân phối như sau:

(1) Chia cổ tức: 3.080.425.401 đồng, gồm:

+ Chia cổ đông vốn nhà nước nắm giữ (51%): 1.571.017.464 đồng

+ Chia các cổ đông còn lại (49%): 1.509.408.936 đồng

(2) Trích lập các quỹ: 1.320.182.743 đồng, gồm:

+ Quỹ Đầu tư phát triển: 330.045.686

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp: 990.137.057 đồng

2. Giao Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai quyết định và thực hiện nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai nêu trên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai thực hiện nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT1;
- CVP, PVP3
- Lưu VT, TH1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 41 /QĐ-HĐQT	*Lào Cai, ngày 26 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cho các Cổ đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ LÀO CAI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 23/5/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 23/5/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Công văn số 1964/UBND-TH ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc chấp thuận nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền số C390/2018-MLC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập ngày 16/7/2018;

Căn cứ Công văn số 07/BKS ngày 17/7/2018 của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai về việc chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018,

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cho 513 Cổ đông của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai với số tiền là 3.080.425.401 đồng.

(có danh sách kèm theo)

Trong đó:

1. Cổ đông là tổ chức: 02 cổ đông.

- UBND tỉnh Lào Cai (cổ phần Nhà nước): Nắm giữ 2.127.299 cổ phần, số tiền cổ tức được nhận là 1.571.017.464 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa (Nhà đầu tư chiến lược): Nắm giữ 291.982 cổ phần, số tiền cổ tức được nhận là 215.629.494 đồng.

2. Cổ đông là cá nhân: 511 cổ đông.

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.751.894 cổ phần.

- Tổng số tiền cổ tức được nhận: 1.293.778.443 đồng.

Ghi chú: Cổ đông là cá nhân khi nhận cổ tức sẽ bị khấu trừ 5% thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Điều 2. Tiền cổ tức được chi trả trực tiếp cho từng cổ đông.

Hình thức chi trả cổ tức thực hiện theo Thông báo số 26/TB-MTĐT ngày 17/7/2018 của Công ty về việc chi trả cổ tức Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai năm 2017 bằng tiền mặt.

Điều 3. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc công ty; lãnh đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Phạm Văn Tân

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

BẢNG TỔNG HỢP CHIA CỔ TỨC NĂM 2017

TT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tiền cổ tức	Ghi chú
1	Chiến lược	1	291.982	215.629.494	
2	Nhà nước	1	2.127.299	1.571.017.464	
3	Cổ đông cá nhân trả vào tài khoản	501	1.722.076	1.271.757.770	
4	Cổ đông cá nhân không làm việc tại công ty (trả tiền mặt)	10	29.818	22.020.673	
	Tổng cộng:	**513**	**4.171.175**	**3.080.425.401**	

Lào Cai, ngày 26 tháng 7 năm 2018

PHÒNG TÀI VỤ

PHÒNG TC - HC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC NHẬN CỔ TỨC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 41 /QĐ-HĐQT ngày 26/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai)

STT	Mã cổ đông	Tên tổ chức	Số đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Tiền cổ tức (VNĐ)	Ghi chú
1	MT0517	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai		Đường Trần Hưng Đạo, P. Nam Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	2.127.299	1.571.017.464	
2	MT0518	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà	0101033072 đăng ký lần đầu ngày 20/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2014 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.	Số 11, tổ 1, Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	291.982	215.629.494	
Tổng cộng:					**2.419.281**	**1.786.646.958**	

Bằng chữ: (Một tỷ, bảy trăm tám sáu triệu, sáu trăm bốn sáu nghìn, chín trăm năm tám đồng)

Lào Cai, ngày 26 tháng 7 năm 2018

PHÒNG TÀI VỤ	PHÒNG TC - HC	TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH
Hoàng Thị Lan Hương	Phạm Văn Tiên	Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHẬN CỔ TỨC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 41 /QĐ-HĐQT ngày 26/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai)

STT	Mã số cổ đông	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ thường trú	Chứng minh nhân dân		Tổng số Cổ phần nắm giữ	Số tiền cổ tức (VNĐ)			Ghi chú
			Nam	Nữ		Số CMND	Ngày cấp		Số tiền	Thuế thu nhập (5%)	Thực lĩnh	
1	MT0043	Nguyễn Văn Trọng	07/09/1963		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063228671	04/07/2005	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
2	MT0059	Trần Thị Dự		15/04/1977	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063034596	04/02/2013	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
3	MT0113	Lương Văn Khanh	15/10/1987		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063207092	23/08/2004	1.200	886.203	44.310	841.893	
4	MT0179	Phạm Quốc Hùng	05/06/1972		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063108261	25/10/2002	5.264	3.887.478	194.374	3.693.104	
5	MT0362	Cao Thị Toan		14/12/1964	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063051439	11/07/2012	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
6	MT0390	Cháng Thị Lan		15/07/1977	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063292035	06/04/2015	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
7	MT0110	Phạm Hoài Thu		07/07/1977	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063071613	01/12/2009	3.700	2.732.460	136.623	2.595.837	
8	MT0502	Trần Thị Thuỷ		10/06/1973	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063042852	06/08/2012	4.514	3.333.601	166.680	3.166.921	
9	MT0363	Nguyễn Thị Lan		23/07/1969	X. Vạn Hoà, TP. Lào Cai	063060163	12/08/2005	2.700	1.993.957	99.698	1.894.259	
10	MT0076	Vàng Thị Hằng		20/03/1980	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063190885	26/04/2004	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
		Tổng cộng:						**29.818**	**22.020.673**	**1.101.034**	**20.919.639**	

Hai mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng./.

Lào Cai, ngày 26 tháng 7 năm 2018

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Phạm Văn Tân

Phòng Tài vụ

Hoàng Thị Lan Hương

Phòng Tổ chức hành chính

Phạm Văn Tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHẬN CỔ TỨC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 41 /QĐ-HĐQT ngày 26/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai)

STT	Mã số cổ đông	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ thường trú	Chứng minh nhân dân			Tổng số Cổ phần nắm giữ	Số tiền cổ tức (VNĐ)			Ghi chú
			Nam	Nữ		Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp		Số tiền	Thuế thu nhập (5%)	Thực lĩnh	
1	MT0001	Phạm Văn Tân	24/07/1961		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063226474	20/05/2005	Công an tỉnh Lào Cai	36.000	26.586.097	1.329.305	25.256.792	
2	MT0002	Bùi Văn Tốt	10/10/1960		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063003113	18/11/2015	Công an tỉnh Lào Cai	16.200	11.963.744	598.187	11.365.557	
3	MT0003	Hoàng Văn Phượng	05/11/1964		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063217177	20/04/2005	Công an tỉnh Lào Cai	15.744	11.626.986	581.349	11.045.637	
4	MT0004	Ngô Văn Trường	21/10/1971		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063097421	03/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	16.900	12.480.696	624.035	11.856.661	
5	MT0005	Đặng Văn Giáp	29/01/1973		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063069427	06/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	16.544	12.217.789	610.889	11.606.900	
6	MT0006	Lê Thị Kim Oanh		09/01/1963	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063044371	29/02/2008	Công an tỉnh Lào Cai	11.800	8.714.332	435.717	8.278.615	
7	MT0007	Hoàng Thị Lan Hương		14/06/1972	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063133327	10/07/2002	Công an tỉnh Lào Cai	10.214	7.543.067	377.153	7.165.914	
8	MT0008	Phạm Văn Điệp	14/09/1975		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063045056	26/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	5.921	4.372.674	218.634	4.154.040	
9	MT0009	Phạm Thị Kim Dung		29/09/1974	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063109594	13/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	7.731	5.709.364	285.468	5.423.896	
10	MT0010	Đỗ Tất Thắng	26/04/1968		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063080928	30/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	7.700	5.686.471	284.324	5.402.147	
11	MT0011	Lê Thị Bình		17/04/1979	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063175223	05/12/2012	Công an tỉnh Lào Cai	4.606	3.401.543	170.077	3.231.466	
12	MT0012	Nguyễn Thị Hoà		15/08/1968	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063087064	03/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	8.500	6.277.273	313.864	5.963.409	
13	MT0013	Trần Quang Toàn	25/03/1979		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063030054	18/04/2012	Công an tỉnh Lào Cai	11.400	8.418.931	420.947	7.997.984	
14	MT0014	Lê Ánh Hồng		04/07/1971	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063069575	22/08/2014	Công an tỉnh Lào Cai	7.231	5.340.113	267.006	5.073.107	
15	MT0015	Đào Thị MinhThuỷ		05/07/1978	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063017771	24/09/2012	Công an tỉnh Lào Cai	6.400	4.726.417	236.321	4.490.096	
16	MT0016	Phạm Văn Tiến	24/08/1967		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063116991	06/04/2016	Công an tỉnh Lào Cai	8.844	6.531.318	326.566	6.204.752	
17	MT0017	Cao Xuân Hoàng	01/12/1978		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063214117	01/04/2013	Công an tỉnh Lào Cai	20.016	14.781.870	739.094	14.042.776	
18	MT0018	Phạm Thị Thu		27/01/1972	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063013711	04/07/2003	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
19	MT0019	Nguyễn Ngọc Chiến	09/04/1979		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063040489	26/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	9.300	6.868.075	343.404	6.524.671	
20	MT0020	Đặng Quốc Bảo	27/03/1986		X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063131645	13/03/2003	Công an tỉnh Lào Cai	3.600	2.658.610	132.931	2.525.679	
21	MT0021	Cao Thị Thu Hằng		14/06/1988	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063157105	08/04/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.500	2.584.759	129.238	2.455.521	
22	MT0022	Trần Việt Hùng	13/07/1981		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063054935	10/10/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.700	2.732.460	136.623	2.595.837	

23	MT0023	Phạm Ngọc Chung	04/02/1987		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063132770	29/01/2009	Công an tỉnh Lào Cai	3.300	2.437.059	121.853	2.315.206	
24	MT0024	Nguyễn Ngọc Linh	02/07/1988		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063227933	03/06/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
25	MT0026	Bùi Tuấn Dương	20/03/1986		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063172309	24/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.500	2.584.759	129.238	2.455.521	
26	MT0027	Phạm Thanh Thảo	02/09/1991		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	132069503	08/11/2007	Công an tỉnh Phú Thọ	1.000	738.503	36.925	701.578	
27	MT0028	Lã Thị Huyền Sâm		23/12/1977	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063109608	12/12/2008	Công an tỉnh Lào Cai	6.012	4.439.878	221.994	4.217.884	
28	MT0029	Lê Quốc Hoàn	20/10/1968		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063126880	15/11/2009	Công an tỉnh Lào Cai	5.921	4.372.674	218.634	4.154.040	
29	MT0030	Nguyễn Tiến Quân	06/02/1969		X. Vạn Hoà, TP. Lào Cai	063010960	18/02/2009	Công an tỉnh Lào Cai	4.500	3.323.262	166.163	3.157.099	
30	MT0031	Hồng Thị Dung		20/04/1971	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063086983	23/11/2007	Công an tỉnh Lào Cai	5.546	4.095.736	204.787	3.890.949	
31	MT0033	Phạm Thị Lý		15/11/1972	P. Bắc Cường TP. Lào Cai	063277367	27/11/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.789	3.536.689	176.834	3.359.855	
32	MT0034	Đinh Quỳnh Thanh	17/09/1977		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063044442	03/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	4.606	3.401.543	170.077	3.231.466	
33	MT0035	Bùi Thị Vòng		15/03/1978	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063409513	02/03/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
34	MT0036	Ngô Thị Hồng Duyên		03/04/1970	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063085599	10/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
35	MT0037	Phạm Thị Mai Lan		11/11/1973	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063116865	03/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
36	MT0038	Nguyễn Tiến Dũng	15/08/1977		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063129753	07/09/2007	Công an tỉnh Lào Cai	8.144	6.014.366	300.718	5.713.648	
37	MT0039	Phạm Thị Sinh		11/11/1969	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063043962	06/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	4.206	3.106.142	155.307	2.950.835	
38	MT0040	Lê Thị Thuận		19/05/1978	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063008749	27/02/2017	Công an tỉnh Lào Cai	5.400	3.987.915	199.396	3.788.519	
39	MT0041	Mạc Thị Thơm		27/10/1970	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063109312	04/01/2016	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
40	MT0042	Đỗ Thị Ngạn		20/08/1970	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063080370	21/10/2009	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
41	MT0044	Nguyễn Anh Trung	12/07/1974		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063161900	27/06/2014	Công an tỉnh Lào Cai	5.129	3.787.780	189.389	3.598.391	
42	MT0045	Lê Thanh Sơn	20/11/1974		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063012799	22/08/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.982	2.940.718	147.036	2.793.682	
43	MT0047	Bùi Thị Lý		20/09/1982	X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063277238	20/11/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
44	MT0048	Lê Thị Thanh Hà		16/07/1976	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063214928	17/08/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.782	2.793.017	139.651	2.653.366	
45	MT0049	Trần Thuý Hiên		02/08/1982	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063098781	06/01/2017	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
46	MT0050	Nông Anh Chiến	16/09/1978		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063248925	24/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	7.029	5.190.935	259.547	4.931.388	
47	MT0051	Hoàng Quốc Toản	01/01/1970		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063174189	17/03/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
48	MT0052	Phạm Thanh Hương	26/09/1976		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063158538	28/07/2003	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
49	MT0053	Hoàng Thị Thu Thủy		14/01/1975	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063228471	27/06/2005	Công an tỉnh Lào Cai	4.200	3.101.711	155.086	2.946.625	
50	MT0054	Nguyễn Văn Diệp	19/06/1983		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063186383	25/10/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.382	2.497.616	124.881	2.372.735	

51	MT0055	Nguyễn Ngọc Toàn	24/06/1971		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063178145	01/09/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.900	2.880.161	144.008	2.736.153	
52	MT0056	Nguyễn Bá Sang	12/01//1967		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063108943	06/09/2001	Công an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
53	MT0057	Nguyễn Thị Xoan		01/01/1979	P. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063315115	10/01/2008	Công an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
54	MT0058	Trịnh Thị Anh		10/11/1971	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063228274	17/06/2005	Công an tỉnh Lào Cai	2.991	2.208.862	110.443	2.098.419	
55	MT0060	Tòng Thị Nữ		14/03/1980	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063083257	30/05/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
56	MT0061	Phạm Thị Hảo		18/07/1973	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063327490	19/06/2008	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
57	MT0062	Nguyễn Văn Thuỷ	09/08/1976		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063309260	10/10/2007	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
58	MT0063	Hoàng Văn Huấn	02/10/1983		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063132890	03/12/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.200	2.363.209	118.160	2.245.049	
59	MT0064	Đặng Minh Sơn	06/11/1982		P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063496569	05/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	2.065	1.525.008	76.250	1.448.758	
60	MT0066	Đỗ Thị Bích Thuỷ		28/12/1984	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063101906	21/10/2013	Công an tỉnh Lào Cai	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
61	MT0067	Dương Thanh Thuỷ		01/03/1975	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063349224	22/01/2009	Công an tỉnh Lào Cai	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
62	MT0070	Lại Đức Chung	22/12/1971		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	131653451	16/12/2008	Công an tỉnh Phú Thọ	3.500	2.584.759	129.238	2.455.521	
63	MT0071	Nguyễn Trường Sơn	09/01/1973		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063454552	01/08/2012	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
64	MT0072	Lương Ngọc Tân	02/07/1980		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063062790	01/07/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
65	MT0073	Nguyễn Văn Chí	20/08/1977		X. Thái Niên, H. Bảo Thắng	063125875	06/01/2017	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
66	MT0074	Đỗ Chung Dũng	13/09/1985		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063512257	11/03/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
67	MT0075	Phạm Văn Tăng	10/11/1982		P. Xuân Tăng, TP. Lào Cai	063204989	25/08/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
68	MT0077	Hoàng Thị Hà		12/12/1982	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063093231	30/11/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
69	MT0078	Đoàn Hải Nam	10/11/1978		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063294587	24/07/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
70	MT0079	Trần Văn Mạnh	05/10/1975		X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063395643	18/08/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
71	MT0081	Đỗ Văn Hoà	02/07/1977		P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063029611	23/01/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
72	MT0082	Lương Thị Hảo		25/12/1978	X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063433515	05/09/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
73	MT0083	Nguyễn Khắc Tiệp	23/07/1988		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063219107	31/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
74	MT0084	Phạm Văn Mạnh	02/02/1989		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063241703	21/09/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
75	MT0085	Mai Hồng Sỹ	09/04/1972		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063130626	09/04/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
76	MT0087	Phạm Văn Doanh	01/03/1976		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063207099	15/06/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
77	MT0088	Phạm Văn Thương	17/05/1991		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063355446	09/04/2009	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
78	MT0089	Đào Xuân Chín	20/01/1988		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063395933	24/09/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	

79	MT0090	Nguyễn Ngọc An	30/10/1985		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063139027	09/08/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
80	MT0091	La Đức Hiệp	26/02/1985		P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	060694945	05/09/2014	Công an tỉnh Yên Bái	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
81	MT0092	Phạm Thị Hường		08/11/1981	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063044878	13/04/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
82	MT0093	Nguyễn Thị Nhẫn		14/03/1981	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063097831	24/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
83	MT0094	Phạm Văn Thìn	24/06/1964		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063008652	12/11/2008	Công an tỉnh Lào Cai	2.300	1.698.556	84.928	1.613.628	
84	MT0095	Lê Thị Hương		14/08/1989	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063251248	22/02/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
85	MT0096	Bùi Thị Hiền		26/08/1983	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063285351	11/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
86	MT0097	Đỗ Thị Nhâm		09/08/1980	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063050947	21/03/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
87	MT0098	Phạm Thị Diễn		28/06/1976	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063060855	07/09/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
88	MT0099	Phạm Thị Loan		09/05/1975	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063087429	03/08/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
89	MT0100	Nguyễn Thị Thu Lệ		21/06/1983	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063536063	30/05/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
90	MT0101	Nguyễn Văn Quyền	07/07/1977		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063110560	06/01/2017	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
91	MT0102	Su Thị Niềm		08/02/1984	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063234171	11/10/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
92	MT0103	Lương Văn Oanh	04/06/1981		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063207040	23/08/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
93	MT0104	Nguyễn Công Thành	07/05/1977		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063060342	16/06/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
94	MT0105	Lê Hồng Dương	03/05/1972		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063230764	30/05/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.674	1.236.254	61.813	1.174.441	
95	MT0106	Phạm Phương Thu		10/10/1990	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063276965	29/07/2011	Công an tỉnh Lào Cai	3.200	2.363.209	118.160	2.245.049	
96	MT0107	Đỗ Thị Hoa		01/01/1991	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	162958643	23/12/2005	Công an tỉnh Nam Định	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
97	MT0108	Vấn Thị Nga		20/08/1986	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063229994	31/05/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
98	MT0109	Lê Hữu Sự	23/07/1982		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063217108	04/08/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
99	MT0112	Hoàng Anh Chiến	01/02/1993		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063404286	05/11/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.100	812.353	40.618	771.735	
100	MT0114	Phan Văn Hóa	06/02/1978		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063101628	26/06/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
101	MT0115	Nguyễn Thành Nam	25/06/1975		P. Lào Cai, TP. Lào Cai	063012710	21/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	6.204	4.581.671	229.084	4.352.587	
102	MT0118	Bùi Thị Phương		10/07/1976	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063080793	25/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	5.921	4.372.674	218.634	4.154.040	
103	MT0120	Phùng Văn Hải	28/01/1975		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063019546	18/10/2013	Công an tỉnh Lào Cai	5.546	4.095.736	204.787	3.890.949	
104	MT0121	Mai Thị Láng		02/04/1970	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063069756	09/05/2012	Công an tỉnh Lào Cai	5.355	3.954.682	197.734	3.756.948	
105	MT0123	Vũ Thành Trung	22/12/1962		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063066514	02/10/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.198	3.100.234	155.012	2.945.222	
106	MT0124	Bùi Văn Nam	28/09/1980		X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063112673	10/02/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.215	3.112.789	155.639	2.957.150	

107	MT0125	Bùi Huy Huấn	01/01/1979		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063033395	20/05/2015	Công an tỉnh Lào Cai	8.044	5.940.516	297.026	5.643.490	
108	MT0126	Ngô Minh Thiện	16/01/1973		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063006743	03/07/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.591	1.174.958	58.748	1.116.210	
109	MT0127	Hoàng Ngọc Tiệp	16/05/1989		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063305094	24/08/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
110	MT0128	Phạm Thị Thuỷ		02/08/1988	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063167156	14/09/2011	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
111	MT0129	Hoàng Văn Phong	16/07/1971		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063153059	07/05/2003	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
112	MT0130	Phạm Đình Khánh	12/03/1973		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063157226	11/06/2003	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
113	MT0133	Bùi Văn Trọng	19/05/1983		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063095232	07/03/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
114	MT0134	Phạm Trung Hiếu	02/09/1991		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	132069502	08/11/2007	Công an tỉnh Phú Thọ	1.300	960.054	48.003	912.051	
115	MT0135	Phạm Văn Hưng	09/12/1984		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	168117949	25/01/2013	Công an tỉnh Hà Nam	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
116	MT0137	Nguyễn Thị Nhiệm		20/04/1975	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063092944	26/02/2002	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
117	MT0138	Vũ Ngọc Tuấn	15/10/1973		Xã Bản Vược, H. Bát Xát	063028773	23/12/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.400	2.510.909	125.545	2.385.364	
118	MT0139	Đặng Văn Vinh	15/03/1969		TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063032534	15/12/2004	Công an tỉnh Lào Cai	8.744	6.457.468	322.873	6.134.595	
119	MT0140	Nguyễn Thị Thuý Đào		12/05/1967	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063245987	16/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.422	2.527.156	126.358	2.400.798	
120	MT0141	Bùi Thị Phương		23/06/1970	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063265579	17/05/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.474	2.565.558	128.278	2.437.280	
121	MT0142	Vũ Thị Phượng		17/09/1980	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063039983	16/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.474	2.565.558	128.278	2.437.280	
122	MT0143	Lê Hoài Thu		31/08/1983	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	060643771	29/03/2001	Công an tỉnh Yên Bái	3.474	2.565.558	128.278	2.437.280	
123	MT0144	Sùng A Du	19/05/1981		TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063239895	11/04/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
124	MT0146	Trần Thị Mậu		22/09/1976	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063245881	16/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
125	MT0147	Tạ Thị Lân		01/10/1973	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063273593	18/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.700	1.993.957	99.698	1.894.259	
126	MT0148	Phan Thị Thương		11/06/1990	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063324735	15/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
127	MT0149	Nguyễn Thị Sen		02/05/1990	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063318966	15/08/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
128	MT0150	Phàn Thị Phương		05/04/1981	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063245946	16/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
129	MT0151	Hồ Thị Lợi		18/06/1985	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063092858	22/05/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
130	MT0152	Nguyễn Xuân Quỳnh	19/09/1983		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063194133	21/07/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
131	MT0153	Nguyễn Đức Thuận	02/02/1977		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063527795	20/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	7.944	5.866.665	293.333	5.573.332	
132	MT0154	Nguyễn Thuỳ Anh		14/05/1982	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063527875	15/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
133	MT0155	Nguyễn Văn Quang	02/05/1977		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063092410	21/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.300	2.437.059	121.853	2.315.206	
134	MT0156	Nguyễn Văn Đức	07/07/1967		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063215841	23/09/2015	Công an tỉnh Lào Cai	4.200	3.101.711	155.086	2.946.625	

135	MT0158	Đặng Thị Hợi		15/05/1972	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063289250	20/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
136	MT0159	Lê Thị Thanh Bình		16/06/1976	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063527797	22/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
137	MT0160	Vàng Thị Sen		15/08/1973	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063274681	20/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.591	1.913.460	95.673	1.817.787	
138	MT0161	Nguyễn Thị Huệ		25/10/1985	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063122154	20/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
139	MT0162	Trần Thị Tuyết		30/06/1965	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063079250	16/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.774	2.048.606	102.430	1.946.176	
140	MT0163	Nguyễn Thị Huê		20/10/1965	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063274584	27/10/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.774	2.048.606	102.430	1.946.176	
141	MT0164	Nguyễn Thị Thuỷ		28/07/1980	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063270155	18/08/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
142	MT0165	Bùi Thị Lan		14/08/1973	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063489693	26/09/2014	Công an tỉnh Lào Cai	2.591	1.913.460	95.673	1.817.787	
143	MT0166	Vàng Thị Luyện		23/09/1984	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063187724	20/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
144	MT0167	Lê Thị Hà		15/08/1974	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063274583	27/10/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
145	MT0168	Tải Thị Hường		06/12/1985	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063185041	12/10/2004	Công an tỉnh Lào Cai	2.700	1.993.957	99.698	1.894.259	
146	MT0169	Trần Hồng Thắng	24/10/1968		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063185091	25/10/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
147	MT0170	Nguyễn Đức Duy	12/02/1990		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063316514	11/03/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
148	MT0171	Vàng Thị Vơn		06/10/1989	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063224887	20/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
149	MT0172	Bùi Xuân Trường	02/02/1995		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	132252726	31/12/2010	Công an tỉnh Phú Thọ	1.300	960.054	48.003	912.051	
150	MT0173	Lương Thị Hiền		30/04/1979	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063224620	22/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.600	1.181.604	59.080	1.122.524	
151	MT0174	Đinh Xuân Hưng	18/04/1994		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063412907	30/09/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
152	MT0175	Vũ Tuấn Anh	23/05/1983		TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	162774038	04/06/2015	Công an tỉnh Nam Định	1.200	886.203	44.310	841.893	
153	MT0176	Mai Trọng Tuệ	20/06/1974		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063145745	24/08/2009	Công an tỉnh Lào Cai	5.921	4.372.674	218.634	4.154.040	
154	MT0177	Nguyễn Tiến Nam	16/08/1968		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063145744	12/03/2003	Công an tỉnh Lào Cai	8.729	6.446.390	322.320	6.124.070	
155	MT0180	Đỗ Thanh Dương	12/05/1976		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063285726	06/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.898	3.617.186	180.859	3.436.327	
156	MT0181	Nguyễn Văn Hoà	20/10/1961		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063033345	07/02/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.721	3.486.471	174.324	3.312.147	
157	MT0183	Đặng Quang Hưng	15/03/1971		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063248298	18/01/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
158	MT0187	Đỗ Văn Quang	18/10/1974		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063054357	22/06/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.282	2.423.766	121.188	2.302.578	
159	MT0188	Nguyễn Tuấn Anh	09/09/1983		P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063093191	15/02/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.382	2.497.616	124.881	2.372.735	
160	MT0189	Trịnh Hồng Hạnh		27/11/1982	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063466273	22/03/2013	Công an tỉnh Lào Cai	4.500	3.323.262	166.163	3.157.099	
161	MT0190	Nguyễn Hoàng Cường	21/10/1981		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063057179	16/07/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
162	MT0191	Nguyễn Tiến Tú	24/09/1981		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063054447	19/11/2014	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	

163	MT0193	Nguyễn Trung Dũng	12/02/1980		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063248235	16/01/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
164	MT0195	Trần Trung Cường	07/04/1987		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063218521	07/10/2015	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
165	MT0196	Phạm Anh Tiến	12/09/1986		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	060759314	30/09/2005	Công an tỉnh Yên Bái	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
166	MT0197	Lê Ngọc Luận	23/12/1979		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063293957	21/04/2007	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
167	MT0198	Trần Huy Giáp Cường	28/08/1978		P. Nam Cường, TP. Lào Cai	131169263	03/03/2014	Công an tỉnh Phú Thọ	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
168	MT0199	Trần Xuân Trường	12/10/1988		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	080494748	02/06/2011	Công an tỉnh Cao Bằng	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
169	MT0200	Đặng Đình Ngọc	03/08/1984		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063093451	27/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	2.100	1.550.856	77.543	1.473.313	
170	MT0201	Bùi Thái Sơn	18/03/1979		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063044848	28/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	200	147.701	7.385	140.316	
171	MT0202	Nguyễn Hải Trường	16/03/1991		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063294428	05/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
172	MT0203	Hà Thế Long	12/02/1981		X. Bản Vược, H. Bát Xát	063468284	03/02/2013	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
173	MT0204	Hoàng Văn Đông	10/11/1989		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	132047745	26/03/2007	Công an tỉnh Phú Thọ	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
174	MT0205	Vũ Trương Dương	23/02/1990		H. Bát Xát, T. Lào Cai	063311780	27/6/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
175	MT0206	Lý Thành Quyết	30/10/1983		P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063093261	14/03/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
176	MT0207	Vùi Minh Sơn	28/10/1976		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063076570	10/03/2017	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
177	MT0208	Vũ Thị Phượng		21/05/1972	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063019509	12/05/2010	Công an tỉnh Lào Cai	6.112	4.513.728	225.686	4.288.042	
178	MT0210	Đỗ Thị Phượng		15/08/1975	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063091955	10/04/2013	Công an tỉnh Lào Cai	5.546	4.095.736	204.787	3.890.949	
179	MT0211	Phùng Thị Nhã		15/08/1963	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063019430	21/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	4.204	3.104.665	155.233	2.949.432	
180	MT0212	Lục Đức Giang	24/04/1978		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063057145	10/11/2003	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
181	MT0213	Hoàng Thị Kim Tuyến		30/09/1978	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063665510	16/05/2012	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
182	MT0214	Đỗ Thị Minh		21/08/1969	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063224159	11/03/2013	Công an tỉnh Lào Cai	4.306	3.179.993	159.000	3.020.993	
183	MT0215	Nguyễn Thị Phương Hoa		09/09/1967	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063041131	12/06/2013	Công an tỉnh Lào Cai	4.272	3.154.884	157.744	2.997.140	
184	MT0216	Phạm Thị Hồng Mận		07/11/1967	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063081040	20/06/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.172	3.081.033	154.052	2.926.981	
185	MT0217	Đoàn Thị Lan		28/07/1976	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063019728	01/06/2005	Công an tỉnh Lào Cai	4.222	3.117.958	155.898	2.962.060	
186	MT0219	Nguyễn Thị Lan		20/11/1981	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063309259	10/10/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
187	MT0220	Lưu Xuân Long	21/11/1978		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063149347	12/06/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
188	MT0221	Trần Thị Ngọc Hà		05/01/1982	X. Vân Hòa, TP. Lào Cai	063418846	30/01/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
189	MT0222	Phạm Thuý Phương Hoa		31/01/1966	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063392511	18/6/2010	Công an tỉnh Lào Cai	7.044	5.202.013	260.101	4.941.912	
190	MT0223	Vũ Thị Huyền		20/07/1971	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063172497	09/02/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	

191	MT0224	Lê Thu Hằng		02/11/1978	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063040041	24/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.282	2.423.766	121.188	2.302.578	
192	MT0225	Đặng Văn Phúc	12/10/1976		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063205437	31/08/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
193	MT0226	Trần Thị Thuý		23/08/1972	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063496621	15/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.300	2.437.059	121.853	2.315.206	
194	MT0227	Bùi Thị Phương		12/09/1979	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063066649	27/05/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.500	1.107.754	55.388	1.052.366	
195	MT0228	Trần Trọng Tuyền	03/11/1991		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	060898158	12/12/2007	Công an tỉnh Yên Bái	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
196	MT0229	Lê Thị Thanh Hương		11/07/1987	X. Gia Phú, H. Bảo Thắng	063216601	10/05/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
197	MT0230	Nguyễn Thị Hoa		16/04/1976	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063107757	27/05/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
198	MT0231	Trần Thị Hồng Loan		02/12/1987	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063251327	10/08/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
199	MT0232	Lê Thanh Sơn	01/09/1966		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063116827	10/03/2017	Công an tỉnh Lào Cai	7.000	5.169.519	258.476	4.911.043	
200	MT0233	Trần Kim Thuý		07/02/1967	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063237193	26/09/2005	Công an tỉnh Lào Cai	4.329	3.196.978	159.849	3.037.129	
201	MT0234	Đinh Thị Hà		12/12/1974	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063292031	25/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.431	3.272.305	163.615	3.108.690	
202	MT0235	Vũ Lệ Thuỷ		08/06/1979	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063456097	10/10/2012	Công an tỉnh Lào Cai	4.340	3.205.102	160.255	3.044.847	
203	MT0236	Nguyễn Thị Dung		01/01/1963	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063292034	25/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.112	3.036.723	151.836	2.884.887	
204	MT0238	Lý Thị Sớ		15/12/1979	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063237231	08/11/2005	Công an tỉnh Lào Cai	4.222	3.117.958	155.898	2.962.060	
205	MT0239	Hoàng Xuân Trường	01/01/1981		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063548850	30/10/2009	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
206	MT0240	Vàng Thị Dủ		03/10/1973	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063147909	27/02/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
207	MT0241	Đỗ Thị Hà		08/09/1975	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063218254	02/01/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
208	MT0242	Hoàng Văn Sánh	08/03/1978		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063234961	14/09/2005	Công an tỉnh Lào Cai	5.482	4.048.472	202.424	3.846.048	
209	MT0243	Trần Thế Cường	25/06/1976		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063305735	17/08/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
210	MT0245	Đặng Anh Tuấn	20/08/1979		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063040642	29/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	7.944	5.866.665	293.333	5.573.332	
211	MT0246	Lương Văn Hạnh	23/04/1982		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063218257	04/04/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
212	MT0247	Nguyễn Danh Phong	25/02/1983		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063539409	03/10/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
213	MT0248	Trần Thị Hà		23/10/1972	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063237194	26/09/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
214	MT0249	Lê Thị Hiền		01/09/1983	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063194134	21/07/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
215	MT0250	Hoàng Thị Yên		30/01/1981	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063539708	09/03/2017	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
216	MT0251	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		26/09/1980	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063084325	03/06/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.382	2.497.616	124.881	2.372.735	
217	MT0252	Dương Thị Ngát		28/02/1982	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063523556	07/08/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.474	2.565.558	128.278	2.437.280	
218	MT0253	Đoàn Thị Hồng		16/04/1976	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063034203	27/10/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.691	2.725.813	136.291	2.589.522	

219	MT0254	Phan Thị Thu Hường		24/12/1982	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063080508	22/07/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.474	2.565.558	128.278	2.437.280	
220	MT0255	Nguyễn Văn Vũ	14/03/1980		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063213258	04/04/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.282	2.423.766	121.188	2.302.578	
221	MT0256	Trần Văn Doanh	24/03/1981		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063057835	23/11/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.191	2.356.562	117.828	2.238.734	
222	MT0257	Nguyễn Thị Hiếu		01/05/1974	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063381624	14/04/2010	Công an tỉnh Lào Cai	2.982	2.202.215	110.111	2.092.104	
223	MT0258	Lý A Phủ	20/05/1976		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063248364	20/01/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
224	MT0259	Đỗ Văn Khớ	21/02/1987		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063248261	16/01/2005	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
225	MT0260	Hoàng Thị Kiều Trang		26/03/1986	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063539707	09/03/2017	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
226	MT0261	Phạm Thị Sen Hoa		23/04/1970	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063194131	26/05/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
227	MT0262	Đinh Thị Hoà		27/08/1975	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063108773	02/03/2015	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
228	MT0263	Lê Thị Kim Dung		14/05/1986	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	131289144	11/04/2003	Công an tỉnh Phú Thọ	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
229	MT0264	Đặng Thị Minh		03/04/1982	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063205173	12/09/2007	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
230	MT0265	Hoàng Thị Phượng		04/02/1985	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063446851	06/04/2012	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
231	MT0266	Đỗ Thị Huệ		07/05/1979	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	060666048	13/06/2008	Công an tỉnh Yên Bái	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
232	MT0267	Nguyễn Thị Hằng		22/12/1983	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063137375	21/11/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
233	MT0268	Phan Thị Thuỳ Dung		18/10/1991	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	060893137	13/04/2009	Công an tỉnh Yên Bái	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
234	MT0269	Triệu Thị Thu Thảo		26/07/1986	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063165648	03/11/2003	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
235	MT0270	Lương Thị Liễu		01/10/1991	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063382522	18/04/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
236	MT0271	Nguyễn Tuấn Anh	29/01/1974		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063398146	11/11/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
237	MT0272	Trần Thị Hương		13/07/1991	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	173085741	13/02/2008	Công an tỉnh Thanh Hóa	1.300	960.054	48.003	912.051	
238	MT0274	Phàn Quý Phú	25/07/1984		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063129780	16/03/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
239	MT0275	Phạm Thị Nhung		27/11/1981	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063292030	08/11/2010	Công an tỉnh Lào Cai	3.300	2.437.059	121.853	2.315.206	
240	MT0276	Nguyễn Văn Hiếu	20/08/1990		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063261964	24/05/2006	Công an tỉnh Lào Cai	800	590.802	29.540	561.262	
241	MT0277	Hoàng Thị Minh		01/09/1987	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	135398267	21/11/2006	Công an tỉnh Vĩnh Phúc	1.200	886.203	44.310	841.893	
242	MT0278	Nguyễn Mạnh Hùng	01/05/1968		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063167320	11/04/2012	Công an tỉnh Lào Cai	9.644	7.122.120	356.106	6.766.014	
243	MT0279	Hoàng Minh Ngân	19/03/1982		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063270247	20/04/2012	Công an tỉnh Lào Cai	6.229	4.600.133	230.007	4.370.126	
244	MT0280	Phạm Văn Thành	25/05/1980		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063051788	06/05/2015	Công an tỉnh Lào Cai	4.789	3.536.689	176.834	3.359.855	
245	MT0281	Trần Văn Thượng	06/06/1964		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	140694444	12/05/2004	Công an Hải Dương	3.600	2.658.610	132.931	2.525.679	
246	MT0282	Vàng Trung Thành	16/08/1977		X. Vạn Hoà, TP. Lào Cai	063047377	02/01/2013	Công an tỉnh Lào Cai	4.138	3.055.924	152.796	2.903.128	

247	MT0283	Trần Khánh Toàn	01/04/1969		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063139677	11/04/2005	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
248	MT0285	Nguyễn Thị Phương		16/02/1982	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063191230	07/04/2010	Công an tỉnh Lào Cai	5.200	3.840.214	192.011	3.648.203	
249	MT0286	Nguyễn Hồng Giang	23/11/1965		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063134710	07/09/2002	Công an tỉnh Lào Cai	4.900	3.618.663	180.933	3.437.730	
250	MT0287	Lê Xuân Thắng	28/07/1982		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063496361	31/10/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.382	2.497.616	124.881	2.372.735	
251	MT0288	Đào Thị Lành		02/09/1982	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063019686	26/05/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.191	2.356.562	117.828	2.238.734	
252	MT0289	Nguyễn Văn Đúng	20/06/1961		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063036461	22/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
253	MT0291	Đặng Ngọc Tuân	20/07/1987		P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063205366	18/06/2010	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
254	MT0293	Nguyễn Đức Hợp	15/02/1984		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063086939	16/07/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
255	MT0294	Trần Hải	03/12/1971		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063072454	20/01/2010	Công an tỉnh Lào Cai	2.100	1.550.856	77.543	1.473.313	
256	MT0295	Nguyễn Văn Hưng	26/10/1990		P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063251882	19/06/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
257	MT0296	Nguyễn Văn Thanh	16/06/1968		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063080369	08/05/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
258	MT0297	Phan Thị Hường		24/01/1989	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063190647	23/07/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
259	MT0298	Đỗ Đức Công	10/04/1973		P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063531795	03/06/2016	Công an tỉnh Yên Bái	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
260	MT0299	Hoàng Ngọc Toàn	01/10/1988		X. Quang Kim, H. Bát Xát	063200984	29/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
261	MT0300	Trần Quý Hoàng	03/06/1990		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063277974	30/10/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
262	MT0301	Nguyễn Thị Hương		05/04/1991	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063524677	12/12/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
263	MT0302	Phạm Đức Thịnh	01/05/1981		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063062778	30/01/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
264	MT0303	Nguyễn Anh Tuấn	14/11/1992		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	132147628	23/02/2013	Công an tỉnh Phú Thọ	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
265	MT0304	Lê Mạnh Hùng	29/06/1975		X. Vạn Hòa, TP. Lào Cai	063153031	05/05/2003	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
266	MT0308	Nguyễn Thị Kim Khương		09/05/1972	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063249854	07/04/2006	Công an tỉnh Lào Cai	6.152	4.543.269	227.163	4.316.106	
267	MT0309	Lừu Thị Phấn		27/02/1975	X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063312454	03/12/2007	Công an tỉnh Lào Cai	6.204	4.581.671	229.084	4.352.587	
268	MT0310	Trần Thị Tươi		20/11/1974	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063059342	01/07/2013	Công an tỉnh Lào Cai	6.186	4.568.378	228.419	4.339.959	
269	MT0311	Trần Thị Hoa		20/08/1973	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063085594	18/01/2016	Công an tỉnh Lào Cai	6.078	4.488.619	224.431	4.264.188	
270	MT0313	Đỗ Thị Thuý		20/08/1976	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063021863	12/04/2013	Công an tỉnh Lào Cai	6.112	4.513.728	225.686	4.288.042	
271	MT0315	Bùi Thúy Triệu		08/06/1972	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063125254	07/01/2015	Công an tỉnh Lào Cai	5.869	4.334.272	216.714	4.117.558	
272	MT0316	Nguyễn Thị Ngần		20/02/1973	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063020777	10/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	5.886	4.346.827	217.341	4.129.486	
273	MT0317	Đặng Thị Hoa		02/04/1972	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063085837	22/08/2012	Công an tỉnh Lào Cai	5.869	4.334.272	216.714	4.117.558	
274	MT0318	Nguyễn Thị Hương		09/10/1978	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063237659	26/09/2005	Công an tỉnh Lào Cai	5.829	4.304.732	215.237	4.089.495	

275	MT0319	Vũ Khắc Mạnh	05/06/1974		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063139772	09/12/2013	Công an tỉnh Lào Cai	5.621	4.151.124	207.556	3.943.568	
276	MT0320	Nguyễn Tiến Đại	24/01/1968		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063035887	19/05/2008	Công an tỉnh Lào Cai	5.604	4.138.569	206.928	3.931.641	
277	MT0321	Lê Thu Hiền		16/06/1975	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063372688	28/07/2009	Công an tỉnh Lào Cai	5.638	4.163.678	208.184	3.955.494	
278	MT0322	Lê Duy Dũng	03/01/1964		TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063075332	25/04/2005	Công an tỉnh Lào Cai	8.629	6.372.540	318.627	6.053.913	
279	MT0324	Nguyễn Thị Thu Phương		23/11/1975	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063023813	23/12/2002	Công an tỉnh Lào Cai	5.646	4.169.586	208.479	3.961.107	
280	MT0325	Trần Thị Thu Len		03/10/1977	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063158575	05/04/2010	Công an tỉnh Lào Cai	5.546	4.095.736	204.787	3.890.949	
281	MT0326	Lê Thị Tuyết		12/12/1976	P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063157784	14/07/2003	Công an tỉnh Lào Cai	5.546	4.095.736	204.787	3.890.949	
282	MT0328	Nguyễn Thanh Thuý		18/12/1978	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063019785	26/05/2010	Công an tỉnh Lào Cai	5.264	3.887.478	194.374	3.693.104	
283	MT0330	Nguyễn Thị Hiền		06/03/1978	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063019848	21/09/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.998	3.691.036	184.552	3.506.484	
284	MT0331	Lưu Thị Thực		04/01/1973	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063086921	23/01/2017	Công an tỉnh Lào Cai	4.755	3.511.580	175.579	3.336.001	
285	MT0332	Nguyễn Thị Vĩnh		19/05/1975	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063133448	02/12/2002	Công an tỉnh Lào Cai	4.789	3.536.689	176.834	3.359.855	
286	MT0333	Nguyễn Thị Kim Dung		17/10/1977	P. Cốc Lếu TP. Lào Cai	063010867	16/02/2009	Công an tỉnh Lào Cai	4.789	3.536.689	176.834	3.359.855	
287	MT0335	Đặng Mạnh Hùng	21/06/1976		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063059340	09/12/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.606	3.401.543	170.077	3.231.466	
288	MT0336	Nguyễn Thị Thơm		01/05/1970	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063418364	10/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.612	3.405.974	170.299	3.235.675	
289	MT0337	Trần Thị Liên		01/02/1966	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063108944	10/04/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.861	3.589.862	179.493	3.410.369	
290	MT0338	Lê Văn Hải	24/02/1977		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063101626	28/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.631	3.420.006	171.000	3.249.006	
291	MT0339	Nguyễn Hoàng Tiến	08/08/1976		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063190842	23/04/2004	Công an tỉnh Lào Cai	4.506	3.327.693	166.385	3.161.308	
292	MT0340	Nguyễn Thị Nghiêm		14/11/1968	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063109648	13/12/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.289	3.167.438	158.372	3.009.066	
293	MT0341	Đỗ Thị Thu		10/05/1980	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063073075	30/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
294	MT0342	Nguyễn Thị Mai Hường		13/08/1969	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063249853	07/04/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.221	3.117.220	155.861	2.961.359	
295	MT0343	Đoàn Thị Phượng		11/12/1977	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063009000	15/11/2004	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
296	MT0344	Nguyễn Thị Tuyết		31/10/1965	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063252444	13/03/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.204	3.104.665	155.233	2.949.432	
297	MT0345	Phạm Thanh Thuý		30/07/1967	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063023555	22/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	4.204	3.104.665	155.233	2.949.432	
298	MT0346	Hoàng Thị Hằng		16/10/1971	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063137057	15/11/2002	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
299	MT0347	Đỗ Thị Thu		17/02/1965	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063101676	28/08/2001	Công an tỉnh Lào Cai	4.204	3.104.665	155.233	2.949.432	
300	MT0348	Trần Hoàng Sơn	24/08/1971		X. Gia Phú, H. Bảo Thắng	063312296	23/11/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	
301	MT0349	Dương Thu Hồng		25/05/1974	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063418994	21/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.306	3.179.993	159.000	3.020.993	
302	MT0350	Hoàng Thị Luyến		02/04/1982	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063175391	23/07/2012	Công an tỉnh Lào Cai	4.322	3.191.809	159.590	3.032.219	

303	MT0351	Hoàng Thị Thanh Thuý		15/04/1973	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063035885	06/10/2010	Công an tỉnh Lào Cai	4.289	3.167.438	158.372	3.009.066	
304	MT0352	Phạm Thị Huệ		12/08/1974	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063293877	25/04/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.306	3.179.993	159.000	3.020.993	
305	MT0353	Phạm Thị Nga		16/06/1973	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063134616	31/10/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.289	3.167.438	158.372	3.009.066	
306	MT0354	Đỗ Thị Thu Hằng		22/05/1968	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063132841	13/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.204	3.104.665	155.233	2.949.432	
307	MT0355	Nguyễn Thu Hà		20/07/1974	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063129975	25/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.306	3.179.993	159.000	3.020.993	
308	MT0356	Nguyễn Thế Linh	04/05/1971		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063036565	01/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.222	3.117.958	155.898	2.962.060	
309	MT0357	Trần Tuyết Mai		05/02/1972	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063542816	10/03/2017	Công an tỉnh Lào Cai	4.289	3.167.438	158.372	3.009.066	
310	MT0358	Nguyễn Thị Lan		01/10/1976	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063050811	01/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.222	3.117.958	155.898	2.962.060	
311	MT0359	Đào Thị Đoàn		03/09/1969	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063132834	09/01/2017	Công an tỉnh Lào Cai	4.121	3.043.370	152.169	2.891.201	
312	MT0360	Đinh Thị Đông		18/10/1977	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063132795	29/03/2013	Công an tỉnh Lào Cai	4.222	3.117.958	155.898	2.962.060	
313	MT0361	Đỗ Thị Tuyết		18/05/1974	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063294411	29/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	4.206	3.106.142	155.307	2.950.835	
314	MT0364	Phạm Hùng	29/01/1964		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063216197	16/03/2005	Công an tỉnh Lào Cai	4.229	3.123.128	156.156	2.966.972	
315	MT0365	Nguyễn Văn Hồng	11/11/1969		X. Tả Phời, TP. Lào Cai	063466632	17/04/2013	Công an tỉnh Lào Cai	4.206	3.106.142	155.307	2.950.835	
316	MT0366	Nguyễn Thị Kim Thoan		10/05/1976	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063249897	10/04/2006	Công an tỉnh Lào Cai	4.140	3.057.401	152.870	2.904.531	
317	MT0367	Bùi Thị Thuý Hoà		31/01/1972	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063027504	08/07/2009	Công an tỉnh Lào Cai	3.989	2.945.887	147.294	2.798.593	
318	MT0368	Trương Thị Hoàn		09/04/1982	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063058963	24/09/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
319	MT0369	Trần Thị Kim Thái		13/10/1970	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063034798	09/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
320	MT0370	Đặng Thị Yến		18/01/1968	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063293617	18/04/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.921	2.895.669	144.783	2.750.886	
321	MT0371	Phạm Thị Hương		30/09/1974	P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063013525	24/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.022	2.970.258	148.513	2.821.745	
322	MT0372	Hán Thị Thoa		07/08/1971	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063108891	19/09/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.881	2.866.129	143.306	2.722.823	
323	MT0373	Trần Thị Thuý		12/12/1983	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063101894	23/03/2011	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
324	MT0374	Đào Thị Oanh		28/03/1968	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063249922	12/04/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.921	2.895.669	144.783	2.750.886	
325	MT0375	Mai Thị Hương		04/05/1975	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063134739	07/09/2002	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
326	MT0376	Nguyễn Văn Lợi	04/08/1972		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063134772	22/04/2009	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
327	MT0377	Hoàng Văn Thuần	17/05/1974		P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063062777	13/03/2015	Công an tỉnh Lào Cai	4.040	2.983.551	149.178	2.834.373	
328	MT0378	Đinh Thị Hiền		14/08/1968	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063312989	08/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.921	2.895.669	144.783	2.750.886	
329	MT0379	Nguyễn Thị Hằng		11/05/1969	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063014119	07/11/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.938	2.908.224	145.411	2.762.813	
330	MT0380	Hoàng Thị Khánh Hoà		10/11/1973	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063172549	11/02/2004	Công an tỉnh Lào Cai	4.031	2.976.904	148.845	2.828.059	

331	MT0381	Quách Thị Nga		08/10/1972	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063128974	07/06/2002	Công an tỉnh Lào Cai	3.889	2.872.037	143.602	2.728.435	
332	MT0382	Lưu Thị Hiệp		05/05/1966	X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063276439	17/04/2009	Công an tỉnh Lào Cai	3.855	2.846.928	142.346	2.704.582	
333	MT0383	Nguyễn Thị Phương		13/04/1965	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063309383	19/10/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.821	2.821.819	141.091	2.680.728	
334	MT0384	Đồng Thị Giang		02/09/1968	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063088145	20/11/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.821	2.821.819	141.091	2.680.728	
335	MT0385	Lương Hồng Ánh		29/11/1975	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063139965	26/09/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
336	MT0386	Trần Thị Ánh		01/03/1974	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063153011	03/06/2011	Công an tỉnh Lào Cai	3.922	2.896.408	144.820	2.751.588	
337	MT0387	Hoàng Thị Thao		16/12/1973	X. Tả Phời, TP. Lào Cai	063145120	05/03/2003	Công an tỉnh Lào Cai	3.906	2.884.592	144.230	2.740.362	
338	MT0388	Nguyễn Thị Hậu		18/09/1983	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063083597	10/10/2011	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
339	MT0389	Lê Thị Liên		25/02/1982	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063046254	12/04/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
340	MT0391	Nguyễn Thị Huyền		15/02/1980	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063237289	19/12/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
341	MT0392	Nguyễn Thị Ngọc ánh		11/01/1983	P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063501946	18/05/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
342	MT0393	Vũ Thị Hoà		20/08/1983	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063049802	29/09/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.940	2.909.701	145.485	2.764.216	
343	MT0394	Hoàng Thị Thanh Vân		31/07/1977	P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063097934	21/10/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
344	MT0395	Đỗ Thị Thu Huyền		28/10/1983	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063134621	06/09/2002	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
345	MT0396	Nguyễn Thị Kiều Oanh		01/08/1979	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063038683	25/05/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
346	MT0397	Vũ Thị Hảo		02/09/1968	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063074083	30/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.538	2.612.823	130.641	2.482.182	
347	MT0398	Nguyễn Thị Hạnh		05/08/1972	P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063059828	21/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.515	2.595.837	129.792	2.466.045	
348	MT0399	Đinh Thị Hà		12/05/1972	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063273523	31/10/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.515	2.595.837	129.792	2.466.045	
349	MT0400	Nguyễn Thị Bắc		24/10/1983	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063084466	13/01/2006	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
350	MT0401	Nguyễn Xuân Hương		15/07/1971	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063184316	11/10/2004	Công an tỉnh Lào Cai	3.498	2.583.282	129.164	2.454.118	
351	MT0402	Đoàn Thị Thanh Mai		11/04/1975	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063376918	11/12/2009	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
352	MT0403	Trần Thị Huyền		13/11/1984	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063224930	16/05/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.572	2.637.932	131.897	2.506.035	
353	MT0404	Ngô Bảo Lân	19/09/1978		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063355212	17/03/2009	Công an tỉnh Lào Cai	7.944	5.866.665	293.333	5.573.332	
354	MT0405	Nguyễn Thị Thuý		10/01/1986	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063234992	03/04/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.474	2.565.558	128.278	2.437.280	
355	MT0406	Nguyễn Thị Mai		15/07/1966	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063465532	21/11/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.298	2.435.582	121.779	2.313.803	
356	MT0407	Phan Thị Tuyết		15/04/1974	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063026496	22/10/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.182	2.349.916	117.496	2.232.420	
357	MT0408	Trần Thị Mai		23/11/1974	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063093553	25/07/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.182	2.349.916	117.496	2.232.420	

358	MT0409	Đào Thị Lịch		02/03/1968	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063027942	13/04/2012	Công an tỉnh Lào Cai	3.172	2.342.531	117.127	2.225.404	
359	MT0410	Bùi Thị Hằng		01/08/1964	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063057978	27/01/1999	Công an tỉnh Lào Cai	3.181	2.349.177	117.459	2.231.718	
360	MT0411	Nguyễn Thị Đào		15/09/1985	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063101696	12/10/2016	Công an tỉnh Lào Cai	3.191	2.356.562	117.828	2.238.734	
361	MT0412	Nguyễn Thị Dung		18/12/1972	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063118746	12/03/2003	Công an tỉnh Lào Cai	3.048	2.250.956	112.548	2.138.408	
362	MT0413	Trần Thị Thuận		30/05/1978	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063248233	22/07/2009	Công an tỉnh Lào Cai	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
363	MT0415	Vũ Văn Ngân	26/05/1970		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063240071	17/10/2005	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
364	MT0416	Lê Thị Huệ		13/031975	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063031682	04/06/2014	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
365	MT0417	Bùi Thị Kim Yến		28/10/1968	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063495103	28/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	2.598	1.918.630	95.932	1.822.698	
366	MT0418	Nguyễn Thị Thuỷ		21/06/1981	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063372417	07/08/2009	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
367	MT0419	Nguyễn Thị Trà		26/05/1975	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063145195	27/05/2011	Công an tỉnh Lào Cai	3.500	2.584.759	129.238	2.455.521	
368	MT0420	Hoàng Lệ Thuỷ		07/07/1976	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063018462	23/03/2012	Công an tỉnh Lào Cai	2.400	1.772.406	88.620	1.683.786	
369	MT0421	Nguyễn Thị Thái Bình		05/09/1979	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063157321	27/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
370	MT0422	Phạm Thị Chi		13/12/1979	X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063269442	10/07/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
371	MT0423	Phạm Thị Nữ		08/03/1989	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063249679	31/03/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.700	1.993.957	99.698	1.894.259	
372	MT0424	Nguyễn Thị Khánh Thương		10/08/1982	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063513469	08/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
373	MT0425	Lê Tiến Dũng	24/11/1972		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063495722	11/07/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.691	1.248.808	62.440	1.186.368	
374	MT0426	Nguyễn Văn Tiến	30/12/1992		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063480988	04/11/2013	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
375	MT0427	Nguyễn Văn Lợi	06/12/1972		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063281904	23/03/2007	Công an tỉnh Lào Cai	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
376	MT0428	Trương Thị Vân		24/03/1984	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	178183350	27/06/2005	Công an tỉnh Thanh Hóa	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
377	MT0429	Hoàng Thị Phụng		20/06/1973	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063179091	07/09/2004	Công an tỉnh Lào Cai	2.100	1.550.856	77.543	1.473.313	
378	MT0430	Nguyễn Thị Oanh		19/01/1973	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063136938	23/03/2007	Công an tỉnh Lào Cai	2.100	1.550.856	77.543	1.473.313	
379	MT0431	Vi Thị Minh		20/07/1979	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063162740	16/12/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
380	MT0432	Bạch Thị Thuý		27/07/1983	X. Cốc San, H. Bát Xát	063098272	08/11/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
381	MT0433	Thàn Thị Yên		15/05/1982	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063097811	06/01/2017	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
382	MT0434	Tàn Thị Nòn		07/08/1978	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063395015	16/07/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
383	MT0436	Bạch Thị Chấp		15/01/1985	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063302210	20/10/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
384	MT0437	Hoàng Văn Hiếu	16/09/1988		P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063385014	30/06/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	

385	MT0438	Lý Thị Lan Thơm		27/06/1988	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063179050	29/11/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
386	MT0439	Đỗ Thị Huệ		09/07/1978	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063029636	24/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
387	MT0440	Hoàng Thị Phượng		07/10/1979	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063179053	07/09/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
388	MT0441	Vũ Đức Thiện	01/01/1987		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063327413	10/06/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
389	MT0442	La Thị Loan		16/06/1986	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063228646	04/07/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
390	MT0443	Nguyễn Thị Chiêm		02/07/1981	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063251638	07/03/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
391	MT0444	Nguyễn Thị Thuỷ		05/06/1990	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063316789	06/10/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
392	MT0445	Vũ Thị Hoà		05/07/1983	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063089617	14/07/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
393	MT0446	Lý Thị Hiền		08/09/1973	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063251844	08/03/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
394	MT0447	Triệu Thị Lan		13/10/1985	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063086748	22/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
395	MT0448	Nguyễn Thị Hợp		28/03/1983	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063205665	06/09/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
396	MT0450	Hoàng Thị Hồng		06/06/1966	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063218587	15/02/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
397	MT0451	Lý Thị Thương		20/12/1975	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063053775	21/11/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
398	MT0452	Thàn Thị Thương		24/09/1984	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063205777	06/09/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
399	MT0453	Trần Thị Hoa		08/03/1982	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063062823	25/9/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
400	MT0454	Trần Thị Tố Uyên		03/03/1985	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063219197	03/06/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
401	MT0455	Lê Thị Ngọc		14/10/1982	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063125127	30/07/2002	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
402	MT0456	Khổng Thị Dinh		04/07/1991	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063376824	03/12/2009	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
403	MT0457	Hoàng Thị Thắm		07/02/1979	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063014894	25/08/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
404	MT0458	Đào Thị Dung		20/05/1974	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063025735	13/05/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
405	MT0459	Vũ Thị Hương		19/08/1971	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063007991	20/10/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
406	MT0460	Vũ Thị Loan		26/09/1967	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063053817	24/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
407	MT0461	Vàng Thị Sen		05/01/1985	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063173896	29/03/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
408	MT0462	Trần Thị Loan		19/10/1983	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063086792	09/07/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
409	MT0463	Trần Thị Hồng Len		08/04/1989	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063251712	07/03/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
410	MT0464	Phạm Thuý Hồng		14/02/1972	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063205523	31/08/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	

411	MT0465	Trần Thị Sim		05/03/1981	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063454625	08/08/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
412	MT0466	Nguyễn Thị Thu Hà		30/11/1985	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063181488	18/07/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
413	MT0467	Trần Thị Hà		15/12/1976	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	060989545	23/12/2010	Công an tỉnh Yên Bái	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
414	MT0468	Hà Tuyết Nhung		21/05/1990	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063366404	29/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
415	MT0469	Hoàng Thị Hạnh		10/12/1968	X. Tả Phời, TP. Lào Cai	063366420	07/07/2009	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
416	MT0470	Dương Thị Hương		02/01/1979	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063049633	24/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
417	MT0471	Quách Thuỳ Linh		18/12/1988	X. Tả Phời, TP. Lào Cai	063285356	08/06/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
418	MT0472	Dương Thị Hạnh		15/06/1983	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063496570	05/12/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.600	1.181.604	59.080	1.122.524	
419	MT0473	Bùi Thị Thanh		20/02/1981	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063057505	02/11/2009	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
420	MT0474	Bạch Thị Hạnh		05/11/1989	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063281586	07/03/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
421	MT0475	Lương Thị Sửu (hiền)		25/08/1977	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063205855	26/10/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
422	MT0476	Bùi Thị Tần		30/10/1980	X. Bản Phiệt, H. Bảo Thắng	063397420	13/09/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
423	MT0477	Tô Ngọc Hạnh		08/10/1979	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063252388	15/10/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.100	812.353	40.618	771.735	
424	MT0478	Nguyễn Thanh Thuỷ		30/09/1985	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063216774	23/05/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
425	MT0479	Phạm Thị Thanh Vân		20/10/1972	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063131409	15/09/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
426	MT0480	Nguyễn Thị Lê		25/08/1980	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063207235	24/08/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
427	MT0481	Mã Thị Niên		12/10/1979	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063101592	27/08/2001	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
428	MT0482	Vi Thị Thắm		21/06/1989	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063205990	07/10/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
429	MT0483	Hoàng Thị Hoa		05/02/1987	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063536580	28/09/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
430	MT0484	Hoàng Thị Nguyệt		08/08/1985	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063201088	21/07/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
431	MT0486	Doãn Thúy Vòng		16/06/1975	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063175419	14/04/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
432	MT0487	Phạm Thị Hồng		08/04//1978	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063252634	14/03/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
433	MT0488	Nguyễn Thị Hằng		29/12/1975	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063186596	16/10/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
434	MT0489	Đoàn Thị Thu		31/12/1990	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	163054206	13/03/2007	Công an tỉnh Nam Định	1.300	960.054	48.003	912.051	
435	MT0490	Nguyễn Thị Khánh Vân		05/02/1989	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063281769	21/03/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
436	MT0491	Đinh Thị Hiền		02/11/1980	P. Phố Mới, TP. Lào Cai	063513389	16/07/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	

437	MT0492	Nguyễn Thị Nhàn		12/11/1989	X. Đồng Tuyển, TP. Lào Cai	063205770	30/08/2013	Công an tỉnh Lào Cai	3.800	2.806.310	140.316	2.665.994	
438	MT0493	Phạm Tiến Cương	06/06/1986		X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063139188	25/09/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
439	MT0494	Phạm Thị Nga		10/10/1977	P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063136575	30/06/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
440	MT0495	Trần Quỳnh Anh		22/01/1989	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063465692	12/12/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
441	MT0496	Nguyễn Thị Dung		17/08/1985	P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	131143816	12/08/2002	Công an tỉnh Phú Thọ	1.300	960.054	48.003	912.051	
442	MT0497	Dầu Thị Mười		12/10/1989	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063481237	11/12/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
443	MT0498	Phùng Thế Tài	12/02/1988		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063162894	16/02/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
444	MT0499	Dương Thị Liễu		20/10/1981	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063171830	04/01/2004	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
445	MT0500	Vi Thị Tuyết		02/10/1992	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063376537	07/10/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.300	960.054	48.003	912.051	
446	MT0505	Vũ Thị Chung Thủy		25/03/1991	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063307333	09/01/2008	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
447	MT0506	Vũ Thị Hiền		28/07/1984	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063185298	17/11/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
448	MT0507	Phạm Thị Quỳnh Phương		21/10/1991	P. Xuân Tăng, TP. Lào Cai	063381263	27/03/2013	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
449	MT0509	Đoàn Quang Đức	12/09/1988		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	060819029	09/07/2005	Công an tỉnh Yên Bái	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
450	MT0510	Lê Thị Mai		15/10/1987	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063147326	21/04/2014	Công an tỉnh Lào Cai	800	590.802	29.540	561.262	
451	MT0511	Nguyễn Thị Thêu		29/08/1988	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063202997	19/08/2004	Công an tỉnh Lào Cai	800	590.802	29.540	561.262	
452	MT0513	Vi Thị Phùng		14/02/1985	X. Cốc San, H. Bát Xát	063173982	21/06/2010	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
453	MT0514	Lê Thị Bính		06/01/1977	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063016258	19/12/2007	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
454	MT0515	Lê Thị Hằng		10/03/1990	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	060952648	22/01/2010	Công an tỉnh Yên Bái	1.200	886.188	44.309	841.879	
455	MT0025	Nguyễn Tiến Hùng	08/10/1990		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	060872549	22/12/2006	Công an tỉnh Yên Bái	3.100	2.289.358	114.468	2.174.890	
456	MT0032	Đỗ Thị Nhàn		30/10/1968	P. Lào Cai, TP. Lào Cai	063069585	31/07/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.000	1.477.005	73.850	1.403.155	
457	MT0046	Mai Thị Lệ		30/07/1983	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063409461	25/02/2011	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
458	MT0065	Nguyễn Thị Thế		16/06/1985	X. Cam Đường, TP. Lào Cai	063089102	14/02/2014	Công an tỉnh Lào Cai	2.700	1.993.957	99.698	1.894.259	
459	MT0068	Đỗ Văn Hiệp	05/06/1988		P.Duyên Hải, TP. Lào Cai	060824832	26/07/2010	Công an tỉnh Yên Bái	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
460	MT0069	Nguyễn Đình Hưng	06/04/1990		P. Bình Minh, TP. Lào Cai	132179482	12/01/2013	Công an tỉnh Phú Thọ	2.500	1.846.257	92.313	1.753.944	
461	MT0080	Lương Trung Dũng	23/11/1990		P. Thống Nhất, TP. Lào Cai	063249770	05/04/2006	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
462	MT0086	Đặng Quốc Tuấn	24/02/1985		P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063163957	28/03/2016	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	

463	MT0111	Hoàng Tuấn Anh	01/08/1992		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063376614	28/02/2014	Công an tỉnh Lào Cai	400	295.401	14.770	280.631	
464	MT0116	Quyền Trung Thành	06/04/1956		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063040432	22/09/2014	Công an tỉnh Lào Cai	3.200	2.363.209	118.160	2.245.049	
465	MT0117	Đỗ Văn Khoa	25/07/1968		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063080787	12/07/2013	Công an tỉnh Lào Cai	13.044	9.633.029	481.651	9.151.378	
466	MT0122	Đào Thanh Phương	20/08/1961		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063055008	12/08/2013	Coông an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
467	MT0131	Nguyễn Xuân Giáp	01/03/1984		X. Vạn Hoà, TP. Lào Cai	063444305	10/02/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.800	1.329.305	66.465	1.262.840	
468	MT0132	Sùng Văn Dương	05/12/1987		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063187688	29/08/2014	Công an tỉnh Lào Cai	1.700	1.255.455	62.773	1.192.682	
469	MT0136	Trương Thị Thơi		04/02/1972	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063338282	24/03/2010	Công an tỉnh Lào Cai	200	147.701	7.385	140.316	
470	MT0145	Nguyễn Thị Truyền		08/04/1975	TT. Bát Xát, H. Bát Xát	063248838	22/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
471	MT0157	Phạm Thị Nhị		13/07/1972	TT. Bắc Hà, H. Bắc Hà	063262922	16/05/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.000	2.954.011	147.701	2.806.310	
472	MT0178	Lê Mạnh Hùng	07/06/1972		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063083805	28/03/2007	Công an tỉnh Lào Cai	5.638	4.163.678	208.184	3.955.494	
473	MT0182	Nguyễn Quang Hải	10/02/1958		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063186845	01/12/2004	Công an tỉnh Lào Cai	2.000	1.477.005	73.850	1.403.155	
474	MT0184	Nguyễn Quang Tuyến	10/10/1959		P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063349005	16/12/2008	Công an tỉnh Lào Cai	3.400	2.510.909	125.545	2.385.364	
475	MT0185	Trần Văn Tuynh	20/10/1959		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063234189	08/08/2005	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
476	MT0186	Nguyễn Văn Tuyên	10/07/1968		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063046405	11/09/2009	Công an tỉnh Lào Cai	10.044	7.417.521	370.876	7.046.645	
477	MT0194	Bùi Văn Nhạ	08/03/1978		P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063316918	10/04/2008	Công an tỉnh Lào Cai	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
478	MT0209	Trịnh Thị Xuân		02/09/1960	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063001809	28/04/2008	Công an tỉnh Lào Cai	2.300	1.698.556	84.928	1.613.628	
479	MT0218	Nguyễn Thị Túc		20/07/1966	P. Bắc Cường, TP. Lào Cai	063344015	17/12/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.400	1.033.904	51.695	982.209	
480	MT0237	Trần Thị Xuân		26/10/1975	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063292027	08/11/2010	Công an tỉnh Lào Cai	4.348	3.211.010	160.551	3.050.459	
481	MT0244	Nguyễn Tất Thắng	04/02/1982		TT. Sa Pa, H. Sa Pa	063150574	30/03/2005	Công an tỉnh Lào Cai	5.312	3.922.926	196.146	3.726.780	
482	MT0273	Nguyễn Thị Hạnh		01/10/1986	TT. Sa Pa, H. Sa Pa	060777190	31/03/2010	Công an tỉnh Yên Bái	1.300	960.054	48.003	912.051	
483	MT0284	Hoàng Thị Tuyết		22/07/1960	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063033195	15/04/2015	Công an tỉnh Lào Cai	3.565	2.632.762	131.638	2.501.124	
484	MT0290	Hà Minh Quân	06/10/1988		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063418007	02/10/2013	Công an tỉnh Lào Cai	2.600	1.920.107	96.005	1.824.102	
485	MT0305	Nguyễn Xuân Thắng	13/07/1988		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	131262214	05/01/2006	Công an tỉnh Phú Thọ	3.200	2.363.209	118.160	2.245.049	
486	MT0306	Phạm Kim Hiền		28/09/1972	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063012242	02/08/2013	Công an tỉnh Lào Cai	2.300	1.698.556	84.928	1.613.628	
487	MT0307	Nguyễn Trường Yên	10/08/1959		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063004167	25/06/2007	Công an tỉnh Lào Cai	3.800	2.806.310	140.316	2.665.994	

488	MT0314	Nguyễn Thị Hương		27/09/1956	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063250522	31/10/2012	Công an tỉnh Lào Cai	2.000	1.477.005	73.850	1.403.155	
489	MT0323	Hồ Bích Hồng		20/12/1965	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063009257	16/07/2003	Công an tỉnh Lào Cai	2.900	2.141.658	107.083	2.034.575	
490	MT0329	Nguyễn Thị Minh		20/10/1968	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063054820	14/10/2016	Công an tỉnh Lào Cai	2.800	2.067.808	103.390	1.964.418	
491	MT0334	Trần Ngọc Lâm	12/05/1968		P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063043957	13/08/2014	Công an tỉnh Lào Cai	4.864	3.592.077	179.604	3.412.473	
492	MT0414	Trần Thị Oanh		10/02/1975	P. Kim Tân, TP. Lào Cai	063237760	30/09/2005	Công an tỉnh Lào Cai	3.000	2.215.508	110.775	2.104.733	
493	MT0435	Nguyễn Thị Tư		14/08/1989	P. Nam Cường, TP. Lào Cai	063228788	08/07/2005	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
494	MT0449	Lê Thị Thuý		05/10/1986	P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063137150	27/11/2015	Công an tỉnh Lào Cai	1.900	1.403.155	70.158	1.332.997	
495	MT0485	Đỗ Văn Thuỳ	02/08/1982		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	060741174	18/07/2012	Công an tỉnh Yên Bái	1.200	886.203	44.310	841.893	
496	MT0501	Nguyễn Thị Hà		16/11/1976	P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	063033183	24/02/2006	Công an tỉnh Lào Cai	2.100	1.550.856	77.543	1.473.313	
497	MT0503	Đinh Thị Hương Giang		16/12/1995	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063444557	21/12/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
498	MT0504	Hoàng Thị Mai Hương		22/09/1996	P. Pom Hán, TP. Lào Cai	063444598	21/02/2012	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
499	MT0508	Phạm Đình Quý	05/04/1993		P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	063398233	15/02/2011	Công an tỉnh Lào Cai	1.200	886.203	44.310	841.893	
500	MT0512	Nguyễn Thị Minh Phương		22/02/1990	P. Bình Minh, TP. Lào Cai	063215169	04/05/2011	Công an tỉnh Lào Cai	800	590.802	29.540	561.262	
501	MT0516	Nguyễn Văn Bình	16/08/1958		P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai	063126847	20/05/2002	Công an tỉnh Lào Cai	2.300	1.698.556	84.928	1.613.628	
		Tổng cộng:							**1.722.076**	**1.271.757.770**	**63.587.900**	**1.208.169.870**	

Một tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng./.

Lào Cai, ngày 26 tháng 7 năm 2018

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phòng Tài vụ

Hoàng Thị Lan Hương

Phòng Tổ chức hành chính

Phạm Văn Tiên

Phạm Văn Tân